

UBND HUYỆN HẢI HẬU
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024 CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ TẬP HUẤN CHẾ ĐỘ KẾ
TOÁN HCSN THEO THÔNG TƯ 24/TT-BTC (HỌC PHÍ VÀ TÀI LIỆU) CHO PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
PHÒNG GDĐT VÀ CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS TRONG HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 877/QĐ-PGDĐT ngày 24/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Đvt: đồng					
S TT	Trường	Mã QHNS	Chương	Khoản	Số tiền
	TỔNG CỘNG				310,960,000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Mã nguồn 12)				310,960,000
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1076412	622	085	2,990,000
2	MN Hải An	1129464	622	085	2,990,000
3	MN Hải Anh	1129463	622	085	2,990,000
4	MN Hải Bắc	1129462	622	085	2,990,000
5	MN TT Côn	1129461	622	085	2,990,000
6	MN Hải Cường	1129460	622	085	2,990,000
7	MN Hải Châu	1129459	622	085	2,990,000
8	MN Hải Chính	1129458	622	085	2,990,000
9	MN Hải Đông	1129457	622	085	2,990,000
10	MN Hải Đường	1129456	622	085	2,990,000
11	MN Hải Giang	1129455	622	085	2,990,000
12	MN Hải Hà	1129454	622	085	2,990,000
13	MN Hải Hoà	1129453	622	085	2,990,000
14	MN Hải Hưng	1129452	622	085	2,990,000
15	MN Hải Long	1129451	622	085	2,990,000
16	MN Hải Lộc	1129450	622	085	2,990,000
17	MN Hải Lý	1129449	622	085	2,990,000
18	MN Hải Nam	1129447	622	085	2,990,000
19	MN Hải Ninh	1129446	622	085	2,990,000
20	MN Hải Minh	1129448	622	085	2,990,000
21	MN Hải Phong	1129445	622	085	2,990,000
22	MN Hải Phúc	1129443	622	085	2,990,000
23	MN Hải Phú	1129444	622	085	2,990,000
24	MN Hải Phương	1129442	622	085	2,990,000
25	MN Hải Quang	1129441	622	085	2,990,000
26	MN Hải Sơn	1129440	622	085	2,990,000
27	MN Hải Tân	1129439	622	085	2,990,000
28	MN Hải Tây	1129438	622	085	2,990,000
29	MN Hải Thanh	1129436	622	085	2,990,000
30	MN Thịnh Long	1129435	622	085	2,990,000

31	MN Hải Trung	1129434	622	085	2,990,000
32	MN Hải Triều	1129433	622	085	2,990,000
33	MN Hải Vân	1129432	622	085	2,990,000
34	MN Hải Xuân	1129431	622	085	2,990,000
35	MN Yên Định	1129430	622	085	2,990,000
36	Tiểu học Hải An	1107981	622	085	2,990,000
37	Tiểu học Hải Anh	1107982	622	085	2,990,000
38	Tiểu học Hải Bắc	1107985	622	085	2,990,000
39	Tiểu học TT Cồn	1102673	622	085	2,990,000
40	Tiểu học Hải Cường	1107986	622	085	2,990,000
41	Tiểu học Hải Châu	1107987	622	085	2,990,000
42	Tiểu học Hải Chính	1107988	622	085	2,990,000
43	Tiểu học Hải Đông	1102686	622	085	2,990,000
44	Tiểu học Hải Đường	1107989	622	085	2,990,000
45	Tiểu học Hải Giang	1107991	622	085	2,990,000
46	Tiểu học Hải Hà	1107992	622	085	2,990,000
47	Tiểu học Hải Hoà	1102688	622	085	2,990,000
48	Tiểu học Hải Hưng	1102690	622	085	2,990,000
49	Tiểu học Hải Long	1107993	622	085	2,990,000
50	Tiểu học Hải Lộc	1107994	622	085	2,990,000
51	Tiểu học Hải Lý	1102691	622	085	2,990,000
52	Tiểu học Hải Nam	1103983	622	085	2,990,000
53	Tiểu học Hải Ninh	1107996	622	085	2,990,000
54	Tiểu học Hải Minh	1107995	622	085	2,990,000
55	Tiểu học Hải Phong	1107997	622	085	2,990,000
56	Tiểu học Hải Phúc	1107998	622	085	2,990,000
57	Tiểu học Hải Phú	1102677	622	085	2,990,000
58	Tiểu học Hải Phương	1102678	622	085	2,990,000
59	Tiểu học Hải Quang	1107999	622	085	2,990,000
60	Tiểu học Hải Sơn	1108000	622	085	2,990,000
61	Tiểu học Hải Tân	1108001	622	085	2,990,000
62	Tiểu học Hải Tây	1108003	622	085	2,990,000
63	Tiểu học Hải Thanh	1108005	622	085	2,990,000
64	Tiểu học Thịnh Long	1102679	622	085	2,990,000
65	Tiểu học Hải Trung	1102681	622	085	2,990,000
66	Tiểu học Hải Triều	1108008	622	085	2,990,000
67	Tiểu học Hải Vân	1102684	622	085	2,990,000
68	Tiểu học Hải Xuân	1102685	622	085	2,990,000
69	Tiểu học Yên Định	1108009	622	085	2,990,000

70	THCS Hải An	1004331	622	085	2,990,000
71	THCS Hải Anh	1004332	622	085	2,990,000
72	THCS Hải Bắc	1004452	622	085	2,990,000
73	THCS TT cồn	1001415	622	085	2,990,000
74	THCS Hải Cường	1001416	622	085	2,990,000
75	THCS Hải Châu	1004621	622	085	2,990,000
76	THCS Hải Chính	1004622	622	085	2,990,000
77	THCS Hải Đông	1004623	622	085	2,990,000
78	THCS Hải Đường	1001418	622	085	2,990,000
79	THCS Hải Giang	1001420	622	085	2,990,000
80	THCS Hải Hà	1004725	622	085	2,990,000
81	THCS Hải Hòa	1001432	622	085	2,990,000
82	THCS Hải Hưng	1001433	622	085	2,990,000
83	THCS Hải Long	1001434	622	085	2,990,000
84	THCS Hải Lộc	1001435	622	085	2,990,000
85	THCS Hải Lý	1001436	622	085	2,990,000
86	THCS Hải Nam	1001427	622	085	2,990,000
87	THCS Hải Ninh	1010122	622	085	2,990,000
88	THCS Hải Minh	1010092	622	085	2,990,000
89	THCS Hải Phong	1010085	622	085	2,990,000
90	THCS Hải Phúc	1010086	622	085	2,990,000
91	THCS Hải Phú	1010087	622	085	2,990,000
92	THCS Hải Phương	1002589	622	085	2,990,000
93	THCS Hải Quang	1010088	622	085	2,990,000
94	THCS Hải Sơn	1010125	622	085	2,990,000
95	THCS Hải Tân	1080195	622	085	2,990,000
96	THCS Hải Tây	1079949	622	085	2,990,000
97	THCS Hải Thanh	1080051	622	085	2,990,000
98	THCS Thịnh Long	1010095	622	085	2,990,000
99	THCS Hải Trung	1010096	622	085	2,990,000
100	THCS Hải Triều	1002486	622	085	2,990,000
101	THCS Hải Vân	1001858	622	085	2,990,000
102	THCS Hải Xuân	1002592	622	085	2,990,000
103	THCS Yên Định	1002593	622	085	2,990,000
104	THCS Hải Hậu	1002487	622	085	2,990,000